

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 12 năm 2022
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Lợ

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị N, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT: Bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú: thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Cẩm Văn T, sinh năm: 1990. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Cẩm Hữu V, sinh năm 1956 và bà Lò Thị P, sinh năm 1957. Địa chỉ: Bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người làm chứng:

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Mai Sơn. Người đại diện: Ông Phạm Quang Tùng – Giám đốc. Vắng mặt.

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Mai Sơn, chi nhánh tỉnh Sơn La. Người đại diện: Ông Cẩm Văn Sơn – Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Cầm Văn T kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La vào ngày 04/01/2011 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời không chăm lo cho gia đình, nghiện chất ma túy. Đến tháng 4 năm 2022 anh T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Cầm Văn T có ba con chung là cháu Cầm Hồng Chuyên, sinh ngày 07/11/2011; cháu Cầm Huyền Chi, sinh ngày 09/9/2014; cháu Cầm Quốc Thái, sinh ngày 13/9/2017. Hiện nay chị N là người T tiếp nuôi dưỡng cả ba con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được T tiếp nuôi dưỡng cả ba con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị do anh T đang đi cai nghiện không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án anh Cầm Văn T trình bày:

Anh và chị N kết hôn với nhau từ ngày 04/01/2011 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh chơi bời, nghiện ma túy bị bắt buộc cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy từ năm 2022. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải cho hai bên hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn anh cũng không có phương án nào để hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Anh và chị Tòng Thị N có ba con chung là cháu Cầm Hồng Chuyên, sinh ngày 07/11/2011; cháu Cầm Huyền Chi, sinh ngày 09/9/2014; cháu Cầm Quốc Thái, sinh ngày 13/9/2017. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng các con trưởng thành.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị có khoản nợ chung với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn số tiền 50.000.000đồng và Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mai Sơn 100.000.000đồng mục đích sửa chữa nhà ở, xây lán nương và trả nợ riêng của anh T. Anh T xác nhận 02 khoản nợ trên đã được trả hết cho ngân hàng nhưng yêu cầu chị N trả lại cho anh một phần tiền nợ nếu cương quyết ly hôn. Tuy nhiên tại đơn đề nghị giải quyết vắng

mặt, anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2022 và tại phiên tòa ông Cẩm Hữu V, bà Lò Thị P trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Cẩm Văn T, anh T chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chị N bỏ nhà đi mang theo các con, anh T nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Gia đình vẫn mong muốn các con đoàn tụ. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng N T thì quá trình chung sống các con có cùng ông bà tham gia lao động sản xuất trong gia đình, gia đình có vay khoản tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn số tiền 50.000.000đồng theo chương trình thoát nghèo, 20.000.000đồng chương trình nước sạch và môi trường. Khoản thứ 2 là vay Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Mai Sơn số tiền 85.000.000đồng. Cả hai khoản vay ban đầu do T đứng ra vay nhưng sau khi anh T phải đi cai nghiện thì ông V đứng ra trả hết khoản vay. Đối với hai khoản vay trên mục đích vay để cho anh T và chị N làm nhà, xây chuồng trại chăn nuôi. Nay các con có ly hôn thì cũng phải có trách nhiệm với khoản vay này do ông bà đã già yếu. Ông bà có ý kiến tổng 2 khoản vay là 150.000.000đồng, ông bà sẽ đứng ra giúp T trả số tiền 100.000.000đồng, tại phiên tòa đề nghị chị N phải có trách nhiệm đứng ra thanh toán khoản vay từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội Mai Sơn khi khoản nợ đến hạn ngày 30/4/2023.

Tại văn bản số 113/NHNo.MS-TH về việc cung cấp thông tin của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mai Sơn trình bày:

Anh Cẩm Văn T, chị Tòng Thị N có khoản vay theo HĐTD số 7904-LAV-202000813 ký ngày 08/4/2020 tại PGD Nà Sản đứng tên anh Cẩm Văn T số tiền vay 100.000.000VNĐ thời hạn vay 36 tháng. Đến ngày 24/8/2022 ông Cẩm Hữu V đứng ra tắt toán HĐTD số 7904-LAV-202000813 tại Phòng giao dịch Nà Sản. Nguyên nhân gia đình cung cấp khi thanh toán khoản vay là do anh T đi cai nghiện, gia đình đã họp bàn để ông V đứng ra thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng. Do khoản vay đã được tắt toán nên Ngân hàng không có ý kiến gì về khoản vay này.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- chi nhánh huyện Mai Sơn trình bày:

Ngày 15/04/2021 gia đình ông Cẩm Văn T và bà Tòng Thị N cư trú tại bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn có được xét duyệt cho vay vốn hộ mới thoát nghèo số tiền 50.000.000đồng để trồng cà phê và ngày 28/4/2022 cho vay chương trình nước sạch 20.000.000đồng để khoan giếng. Ngày 15/7/2022 gia đình ông Cẩm Văn T và bà Tòng Thị N đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng chính sách. Do đó hiện nay ngân hàng chính sách không còn liên quan gì đến món vay của gia đình ông Cẩm văn T bà Tòng Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến con chung trên 7 tuổi dưới 18 tuổi của chị N, anh T. Cháu Chuyên, cháu Chi đều có nguyện

vọng muốn được ở với mẹ. Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị N, anh T với Ban quản lý bản X, xã Chiềng Mai. Kết quả xác minh: Chị N, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn do anh T mắc tệ nạn xã hội là đối tượng theo dõi của công an xã, đến năm 2022 anh T phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Anh chị có 03 con chung là cháu Cẩm Hồng Chuyên, sinh năm 2011; cháu Cẩm Huyền Chi sinh năm 2014; cháu Cẩm Quốc Thái sinh năm 2017, hiện nay các cháu đang sống với chị N, khi giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giao các cháu cho bên có đủ điều kiện nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Anh chị chung sống với ông V, bà P là bố mẹ đẻ của anh T nên không nắm được anh chị có tài sản riêng gì không. Nợ chung vợ chồng chị N anh T ban quản lý bản không nắm được.

Do các đương sự không thống nhất được về toàn bộ vấn đề trong vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn có yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân cho ly hôn giữa chị Tòng Thị N và anh Cẩm Văn T.

Về con chung: Chị Tòng Thị N và anh Cẩm Văn T có ba con chung là cháu Cẩm Hồng Chuyên, sinh ngày 07/11/2011; cháu Cẩm Huyền Chi, sinh ngày 09/9/2014; cháu Cẩm Quốc Thái, sinh ngày 13/9/2017. Giao cháu Chuyên, cháu Chi, cháu Thái cho chị N T tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Tòng Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Tòng Thị N yêu cầu xin ly hôn đối với anh Cẩm Văn T, nơi cư trú: Bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp là xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tư cách tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh T chị N có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Mai Sơn và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Mai Sơn. Quá trình xét xử Tòa án đã đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên căn cứ ý kiến bằng văn bản của các Ngân hàng xác định các khoản vay của hai vợ chồng chị N và anh T đã được thanh toán xong, nay Ngân hàng không còn có quyền lợi, nghĩa vụ gì khi giải quyết vấn đề xin ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng chính sách xã hội là người làm chứng trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị N và anh Cẩm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La vào ngày 04/01/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy là đối tượng nghiện thuộc danh sách theo dõi của địa phương, hiện nay anh T đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ anh T là đối tượng nghiện ma túy, đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng,

mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Tòng Thị N và anh Cầm Văn T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Tòng Thị N và anh Cầm Văn T có ba con chung là cháu Cầm Hồng Chuyên, sinh ngày 07/11/2011; cháu Cầm Huyền Chi, sinh ngày 09/9/2014; cháu Cầm Quốc Thái, sinh ngày 13/9/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được T tiếp nuôi dưỡng cả ba con đến khi trưởng thành. Anh T muốn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng các con. Tòa án tiến hành ghi ý kiến cháu Cầm Hồng Chuyên, Cầm Huyền Chi là con chung trên 7 tuổi của chị N và anh T, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T hiện đang đi cai nghiện tập trung không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị N có nguyện vọng được nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với thực tế. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho các con chung chưa thành niên, cần giao cháu Chuyên, cháu Chi, cháu Thái cho chị N T tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Mai Sơn và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Mai Sơn đều xác nhận khoản vay của anh T, chị N đã được tất toán, hiện Ngân hàng không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có người thứ ba yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Cầm Hữu V đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn chị Tòng Thị N phải thanh toán cùng gia đình ông đối với khoản vay Ngân hàng chính sách số tiền từ 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng và cho rằng khoản nợ này là nợ chung của cả gia đình. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án ông V không có yêu cầu độc lập đối với chị N. Quá trình tranh luận tại phiên tòa ông V trình bày khoản nợ này chưa đến hạn thanh toán, phía ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn xác nhận không đúng thực tế, đồng thời ông V có ý kiến sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết khi đến thời hạn trả nợ ngân hàng chính sách. Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ để giải quyết yêu cầu này của ông V trong vụ án, cần tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2.4] *Về án phí*: Chị Tòng Thị N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị N và anh Cẩm Văn T.
2. Về con chung: Chị Tòng Thị N và anh Cẩm Văn T có ba con chung là cháu Cẩm Hồng Chuyên, sinh ngày 07/11/2011; cháu Cẩm Huyền Chi, sinh ngày 09/9/2014; cháu Cẩm Quốc Thái, sinh ngày 13/9/2017.

Giao cháu Chuyên, cháu Chi, cháu Thái cho chị N T tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Chuyên, cháu Chi, cháu Thái trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án, nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung và có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002259 ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Lợ

Ông Hà Văn Sơ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị N, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ 15, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Cầm Văn T, sinh năm: 1990. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Cầm Hữu V, sinh năm 1956 và bà Lò Thị P, sinh năm 1957. Địa chỉ: Bản X, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị N và anh Cầm Văn T.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Tiệp và anh Lò Văn Trường có ba con chung là cháu Cầm Hồng Chuyên, sinh ngày 07/11/2011; cháu Cầm Huyền Chi, sinh ngày 09/9/2014; cháu Cầm Quốc Thái, sinh ngày 13/9/2017.

Giao cháu Chuyên, cháu Chi, cháu Thái cho chị N T tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Chuyên, cháu Chi, cháu Thái trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp và có người có quyền lợi, nghĩa vụ yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Không xem xét yêu cầu của ông Cầm Hữu V về yêu cầu chị N thanh toán cùng khoản tiền 30 triệu đồng cho Ngân hàng chính sách, tác ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Chị Tòng Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002259 ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**